BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO CỦA THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	503037	Cao Văn Hiếu	Nam	20/02/1989	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	7,25	7,25	
2	503042	Phạm Huy Hoàng	Nam	23/01/1995	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	6,92	6,92	
3	503052	Nguyễn Sỹ Khánh	Nam	15/09/1993	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	6,75	6,75	
4	503069	Lại Như Mai	Nữ	13/06/1993	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	6,5	6,5	
5	503104	Nguyễn Minh Tân	Nam	08/01/1992	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	6,92	6,92	
6	503124	Trần Thị Lệ Thủy	Nữ	05/01/1994	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	7,17	7,17	
7	504005	Phan Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Chấn thương chỉnh hình	7	7	
8	504026	Phạm Thanh Hậu	Nam	21/06/1994	Chuyên khoa cấp I	Chấn thương chỉnh hình	7,92	7,92	
9	504082	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	13/06/1994	Chuyên khoa cấp I	Chấn thương chỉnh hình	7,33	7,33	
10	505030	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Nữ	11/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	7,92	7,92	
11	505072	Trần Hoàng Yến Nhi	Nữ	24/05/1994	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	8,25	8,25	
12	505080	Trần Nguyễn Tấn Phát	Nam	01/01/1992	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	7,25	7,25	
13	505106	Vũ Thị Thùy	Nữ	09/07/1994	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	7,58	7,58	
14	505114	Lý Thị Hoàng Trinh	Nữ	12/08/1993	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	7,42	7,42	
15	505116	Vũ Hoài Nam Trinh	Nữ	05/08/1995	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	7	7	
16	507011	Lê Huỳnh Phương Quyên	Nữ	20/09/1996	Chuyên khoa cấp I	Dược lý và Dược lâm sàng	4,08	4,08	
17	508018	Từ Nguyễn Anh Duy	Nam	20/12/1989	Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	8	8	
18	508047	Dương Hoàng Phi	Nam	15/01/1995	Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	7,83	7,83	
19	508053	Ngô Ngọc Quang	Nam	03/10/1992	Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	7,92	7,92	
20	508075	Nguyễn Trần Diệu Tú	Nữ	18/11/1995	Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	7,33	7,33	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
21	504005	Phan Nguyễn Tuấn Anh	Nam	24/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,92	8,92	
22	504026	Phạm Thanh Hậu	Nam	21/06/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,25	8,25	
23	504084	Phạm Minh Trí	Nam	14/09/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8	8	
24	521006	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	25/02/1995	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	6,92	6,92	
25	521041	Bùi Viết Sơn	Nam	02/06/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,92	8,92	
26	522001	Nguyễn Quyền Anh	Nam	28/02/1993	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	6,83	6,83	
27	522018	Nguyễn Đức Hòa	Nam	27/11/1995	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	9	9	
28	522023	Lê Quốc Khánh	Nam	17/09/1993	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,67	8,67	
29	522038	Võ Đức Phong	Nam	14/05/1995	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	9	9	
30	524017	Lê Thị Mai Hương	Nữ	24/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	9,58	9,58	
31	524037	Nguyễn Thị Hồng Trinh	Nữ	05/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	7,33	7,33	
32	526019	Nguyễn Hữu Hiếu	Nam	31/08/1993	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	9,67	9,67	
33	530001	Tô Mỹ Ái	Nữ	18/01/1993	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	9,17	9,17	
34	530090	Huỳnh Thị Hoài Lộc	Nữ	31/08/1996	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,75	8,75	
35	530174	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	19/12/1990	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	7,67	7,67	
36	530182	Lê Chánh Tú	Nam	22/01/1996	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,92	8,92	
37	530189	Phạm Sơn Tùng	Nam	24/07/1995	Chuyên khoa cấp I	Giải phẫu	8,67	8,67	
38	511015	Nguyễn Nhật Dương	Nam	05/10/1994	Chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu	7	7	
39	511023	Võ Chí Hậu	Nam	12/05/1994	Chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu	7,17	7,17	
40	558001	Tạ Hồng Ngọc	Nữ	16/09/1993	Chuyên khoa cấp I	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	4,75	4,75	
41	514058	Lương Túc Vinh	Nam	26/01/1995	Chuyên khoa cấp I	Lão khoa	7,5	7,5	
42	521012	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	26/10/1994	Chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	6,58	6,58	
43	521023	Phạm Thành Kông	Nam	18/04/1995	Chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	5,67	5,67	
44	523037	Cao Chí Tâm	Nam	17/11/1995	Chuyên khoa cấp I	Ngoại niệu	7,17	7,17	
45	522018	Nguyễn Đức Hòa	Nam	27/11/1995	Chuyên khoa cấp I	Ngoại thần kinh	6,08	6,08	
46	522023	Lê Quốc Khánh	Nam	17/09/1993	Chuyên khoa cấp I	Ngoại thần kinh	6,58	6,58	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
47	522038	Võ Đức Phong	Nam	14/05/1995	Chuyên khoa cấp I	Ngoại thần kinh	6,33	6,33	
48	522040	Lục Đình Phương	Nam	20/05/1989	Chuyên khoa cấp I	Ngoại thần kinh	5,92	5,92	
49	524017	Lê Thị Mai Hương	Nữ	24/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Nhãn khoa	6,42	6,42	
50	524037	Nguyễn Thị Hồng Trinh	Nữ	05/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Nhãn khoa	7,08	7,08	
51	525043	Nguyễn Như Hảo	Nữ	19/10/1995	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	6,08	6,08	
52	525048	Lê Gia Hiển	Nam	19/11/1989	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,58	5,58	
53	525049	Bùi Trung Hiếu	Nam	11/08/1990	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	4,58	4,58	
54	525065	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	27/05/1993	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,67	5,67	
55	525071	Lê Khoa	Nam	24/11/1992	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	4,67	4,67	
56	525093	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	25/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,42	5,42	
57	525102	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	23/04/1993	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,92	5,92	
58	525120	Hà Thị Oanh	Nữ	17/01/1993	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	6,5	6,5	
59	525122	Lê Thị Hồng Phúc	Nữ	31/01/1991	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	4,08	4,08	
60	525132	Trương Nguyễn Hồng Sinh	Nữ	08/10/1988	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	4,25	4,25	
61	525144	Lê Quang Thành	Nam	09/07/1996	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,42	5,42	
62	525151	Quách Hoàng Hạnh Thảo	Nữ	27/04/1994	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,5	5,5	
63	525159	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/09/1995	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	6,08	6,08	
64	525166	Nguyễn Bảo Tín	Nam	26/07/1995	Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa	5,75	5,75	
65	517044	Lê Vũ Trùng Dương	Nam	05/06/1995	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	7,58	7,58	
66	517138	Sử Tú Ngọc	Nữ	05/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	7,75	7,75	
67	517163	Đặng Thanh Phong	Nam	23/04/1993	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	7,67	7,67	
68	517173	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08/02/1994	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	7,83	7,83	
69	517228	Lê Thị Thu	Nữ	15/11/1992	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	7,58	7,58	
70	518005	Nguyễn Thanh Cảnh	Nam	19/06/1995	Chuyên khoa cấp I	Nội tiết	7,75	7,75	
71	518049	Trần Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	19/05/1995	Chuyên khoa cấp I	Nội tiết	8,17	8,17	
72	526019	Nguyễn Hữu Hiếu	Nam	31/08/1993	Chuyên khoa cấp I	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	7,17	7,17	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
73	526034	Hồ Ngọc Sơn	Nam	25/12/1994	Chuyên khoa cấp I	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	7,08	7,08	
74	526045	Vũ Tuấn Toàn	Nam	12/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	7,08	7,08	
75	529039	Phạm Ngọc Trâm	Nữ	20/08/1993	Chuyên khoa cấp I	Răng hàm mặt chuyên ngành	4,83	4,83	
76	530001	Tô Mỹ Ái	Nữ	18/01/1993	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	6,83	6,83	
77	530085	Lê Mỹ Linh	Nữ	18/08/1995	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	6,58	6,58	
78	530090	Huỳnh Thị Hoài Lộc	Nữ	31/08/1996	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	6,83	6,83	
79	530120	Nguyễn Thị Bích Nguyên	Nữ	22/12/1995	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	7	7	
80	530141	Trần Văn Sinh	Nam	16/07/1993	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	6,17	6,17	
81	530174	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	19/12/1990	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	7,33	7,33	
82	530189	Phạm Sơn Tùng	Nam	24/07/1995	Chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	7,33	7,33	
83	505030	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Nữ	11/08/1994	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,08	8,08	
84	505072	Trần Hoàng Yến Nhi	Nữ	24/05/1994	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	7,83	7,83	
85	505080	Trần Nguyễn Tấn Phát	Nam	01/01/1992	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,83	8,83	
86	505116	Vũ Hoài Nam Trinh	Nữ	05/08/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	9	9	
87	508047	Dương Hoàng Phi	Nam	15/01/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,67	8,67	
88	508053	Ngô Ngọc Quang	Nam	03/10/1992	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,5	8,5	
89	511015	Nguyễn Nhật Dương	Nam	05/10/1994	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	7,42	7,42	
90	514058	Lương Túc Vinh	Nam	26/01/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,25	8,25	
91	517138	Sử Tú Ngọc	Nữ	05/11/1994	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	9,08	9,08	
92	517163	Đặng Thanh Phong	Nam	23/04/1993	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,5	8,5	
93	518005	Nguyễn Thanh Cảnh	Nam	19/06/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,08	8,08	
94	518049	Trần Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	19/05/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,33	8,33	
95	525043	Nguyễn Như Hảo	Nữ	19/10/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	7,83	7,83	
96	525049	Bùi Trung Hiếu	Nam	11/08/1990	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	4,92	4,92	
97	525071	Lê Khoa	Nam	24/11/1992	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	7,83	7,83	
98	525102	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	23/04/1993	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,08	8,08	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
99	525120	Hà Thị Oanh	Nữ	17/01/1993	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	7,08	7,08	
100	525144	Lê Quang Thành	Nam	09/07/1996	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,17	8,17	
101	525151	Quách Hoàng Hạnh Thảo	Nữ	27/04/1994	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,17	8,17	
102	525159	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20/09/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8	8	
103	525166	Nguyễn Bảo Tín	Nam	26/07/1995	Chuyên khoa cấp I	Sinh lý	8,33	8,33	
104	534015	Hồ Xuân Minh Hoàng	Nam	12/07/1993	Chuyên khoa cấp I	Thần kinh	7,17	7,17	
105	604010	Nguyễn Văn Tịnh	Nam	04/01/1987	Chuyên khoa cấp II	Chấn thương chỉnh hình	4,58	4,58	
106	608002	Châu Ngọc Đăng	Nam	14/05/1988	Chuyên khoa cấp II	Gây mê hồi sức	6,25	6,25	
107	636008	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	10/08/1988	Chuyên khoa cấp II	Ngoại ngữ	4,75	4,75	
108	622006	Nguyễn Tấn Luông	Nam	07/10/1980	Chuyên khoa cấp II	Ngoại thần kinh	6,75	6,75	
109	659003	Phạm Thị Ngọc Hạnh	Nữ	20/11/1979	Chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt chuyên ngành	4,42	4,42	
110	260028	Ngô Thị Hải Linh	Nữ	24/11/1994	Thạc sĩ	Chăm sóc người lớn	6,83	6,83	
111	260043	Đặng Thị Phương	Nữ	20/11/1993	Thạc sĩ	Chăm sóc người lớn	7,08	7,08	
112	201023	Nguyễn Hà Phúc Tâm	Nam	19/09/1999	Thạc sĩ	Công nghệ dược phẩm và bào chế	4,92	4,92	
113	263007	Nguyễn Trung Trực	Nam	01/06/1992	Thạc sĩ	Dịch tễ học cơ bản	4,92	4,92	
114	257003	Đinh Thị Như Hương	Nữ	11/06/1999	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược học cổ truyền	4,75	4,75	
115	257004	Lê Ngọc Vân Khánh	Nữ	23/07/1999	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược học cổ truyền	4,92	4,92	
116	204006	Nguyễn Minh Đăng	Nam	30/06/1994	Thạc sĩ	Giải phẫu	6,08	6,08	
117	204019	Phạm Thái Ngọc Long	Nam	02/06/1997	Thạc sĩ	Giải phẫu	4,25	4,25	
118	204046	Đinh Quang Tường	Nam	01/09/1995	Thạc sĩ	Giải phẫu	4,92	4,92	
119	224016	Trần Quang Phúc	Nam	11/09/1995	Thạc sĩ	Giải phẫu	5,83	5,83	
120	230088	Nguyễn Thị Lan Vi	Nữ	16/03/1995	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,5	8,5	
121	231027	Phạm Nữ Thục Quyên	Nữ	22/10/1997	Thạc sĩ	Giải phẫu	6,42	6,42	
122	231029	Phạm Quãng Thành	Nam	15/10/1995	Thạc sĩ	Giải phẫu	6,33	6,33	
123	236004	Đinh Ngọc Cường	Nam	18/04/1996	Thạc sĩ	Giải phẫu	7,75	7,75	
124	201021	Lê Thị Phương	Nữ	22/08/1998	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,33	4,33	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
125	201023	Nguyễn Hà Phúc Tâm	Nam	19/09/1999	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,83	4,83	
126	207069	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	21/03/1998	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	5,67	5,67	
127	233040	Nguyễn Thanh Tú	Nam	07/06/1999	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,08	4,08	
128	262005	Phạm Duy Duẩn	Nam	22/01/1973	Thạc sĩ	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7,08	7,08	
129	262026	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	04/02/1999	Thạc sĩ	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7,58	7,58	
130	262029	Trịnh Ngọc Tú	Nữ	23/05/1986	Thạc sĩ	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	5,42	5,42	
131	204006	Nguyễn Minh Đăng	Nam	30/06/1994	Thạc sĩ	Ngoại khoa	6,33	6,33	
132	204019	Phạm Thái Ngọc Long	Nam	02/06/1997	Thạc sĩ	Ngoại khoa	5	5	
133	204046	Đinh Quang Tường	Nam	01/09/1995	Thạc sĩ	Ngoại khoa	6,42	6,42	
134	221025	Huỳnh Trọng Tính	Nam	18/06/1994	Thạc sĩ	Ngoại khoa	9,08	9,08	
135	224016	Trần Quang Phúc	Nam	11/09/1995	Thạc sĩ	Nhãn khoa	3,72	3,72	
136	224017	Nguyễn Lê Diễm Quỳnh	Nữ	27/07/1995	Thạc sĩ	Nhãn khoa	4,23	4,23	
137	225012	Nguyễn Thùy Minh Duyên	Nữ	25/01/1997	Thạc sĩ	Nhi khoa	6,67	6,67	
138	225020	Nguyễn Lê Huy	Nam	04/01/1997	Thạc sĩ	Nhi khoa	6,67	6,67	
139	214011	Mai Huy	Nam	01/09/1987	Thạc sĩ	Nội khoa	5	5	
140	217004	Phan Đình Ân	Nam	23/02/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	6,67	6,67	
141	217019	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	04/03/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	6,75	6,75	
142	217065	Nguyễn Hữu Thành Nhân	Nam	12/11/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	7	7	
143	217068	Nguyễn Hà Oanh	Nữ	03/04/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	6,42	6,42	
144	217069	Sơn Thị Oanh	Nữ	15/02/1985	Thạc sĩ	Nội khoa	7,5	7,5	
145	217090	Trần Tấn Thiện	Nam	27/09/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	7,58	7,58	
146	217091	Đặng Phương Thịnh	Nam	23/10/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	6,92	6,92	
147	217100	Nguyễn Quốc Thụy	Nam	21/09/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	7	7	
148	248012	Phạm Anh Duy	Nam	01/03/1998	Thạc sĩ	Nội khoa	6,5	6,5	
149	248031	Nguyễn Thị Nhật Linh	Nữ	12/01/1998	Thạc sĩ	Nội khoa	6,67	6,67	
150	248044	Trần Huỳnh Thiên Nhi	Nữ	02/10/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	7,08	7,08	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
151	248051	Hồ Nguyên Phương	Nữ	24/04/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	6,75	6,75	
152	248059	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	14/02/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	6,08	6,08	
153	248075	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/07/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	6,42	6,42	
154	251004	Nguyễn Thị Phương Hiền	Nữ	04/06/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	5,92	5,92	
155	230004	Tống Vân Anh	Nữ	25/12/1992	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	6,75	6,75	
156	214011	Mai Huy	Nam	01/09/1987	Thạc sĩ	Sinh lý	9,08	9,08	
157	217004	Phan Đình Ân	Nam	23/02/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	9,17	9,17	
158	217065	Nguyễn Hữu Thành Nhân	Nam	12/11/1995	Thạc sĩ	Sinh lý	8,83	8,83	
159	217068	Nguyễn Hà Oanh	Nữ	03/04/1995	Thạc sĩ	Sinh lý	8,33	8,33	
160	217069	Sơn Thị Oanh	Nữ	15/02/1985	Thạc sĩ	Sinh lý	8,58	8,58	
161	217090	Trần Tấn Thiện	Nam	27/09/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,5	8,5	
162	217091	Đặng Phương Thịnh	Nam	23/10/1995	Thạc sĩ	Sinh lý	8,83	8,83	
163	217100	Nguyễn Quốc Thụy	Nam	21/09/1995	Thạc sĩ	Sinh lý	9,08	9,08	
164	225012	Nguyễn Thùy Minh Duyên	Nữ	25/01/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8,83	8,83	
165	238016	Nguyễn Võ Phát Lợi	Nam	07/10/1991	Thạc sĩ	Sinh lý	6,92	6,92	
166	238019	Nguyễn Thị Kiều Mi	Nữ	19/05/1994	Thạc sĩ	Sinh lý	4,92	4,92	
167	248003	Nguyễn Hữu Quỳnh Anh	Nữ	01/01/1995	Thạc sĩ	Sinh lý	8,58	8,58	
168	248012	Phạm Anh Duy	Nam	01/03/1998	Thạc sĩ	Sinh lý	9,17	9,17	
169	248031	Nguyễn Thị Nhật Linh	Nữ	12/01/1998	Thạc sĩ	Sinh lý	9,08	9,08	
170	248044	Trần Huỳnh Thiên Nhi	Nữ	02/10/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8,58	8,58	
171	248051	Hồ Nguyên Phương	Nữ	24/04/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,75	8,75	
172	248075	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/07/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,83	8,83	
173	251004	Nguyễn Thị Phương Hiền	Nữ	04/06/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8	8	
174	260043	Đặng Thị Phương	Nữ	20/11/1993	Thạc sĩ	Sinh lý	6,33	6,33	
175	261021	Nguyễn Thu Hương	Nữ	22/08/1989	Thạc sĩ	Sinh lý	3,5	3,5	
176	262005	Phạm Duy Duẩn	Nam	22/01/1973	Thạc sĩ	Sinh lý	5,83	5,83	

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
177	262026	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	04/02/1999	Thạc sĩ	Sinh lý	6,83	6,83	
178	231027	Phạm Nữ Thục Quyên	Nữ	22/10/1997	Thạc sĩ	Tai mũi họng	7,83	7,83	
179	231029	Phạm Quãng Thành	Nam	15/10/1995	Thạc sĩ	Tai mũi họng	6,83	6,83	
180	261003	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	01/01/1996	Thạc sĩ	Xét nghiệm	4,58	4,58	
181	261024	Nguyễn Thị Thuý Liễu	Nữ	19/10/1993	Thạc sĩ	Xét nghiệm	4,92	4,92	
182	261038	Hứa Nghĩa Thành	Nam	10/12/1997	Thạc sĩ	Xét nghiệm	4,58	4,58	
183	261052	Trần Văn Tuấn	Nam	07/06/2000	Thạc sĩ	Xét nghiệm	4,25	4,25	
184	238016	Nguyễn Võ Phát Lợi	Nam	07/10/1991	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	6,92	6,92	
185	238019	Nguyễn Thị Kiều Mi	Nữ	19/05/1994	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	7,5	7,5	

Ấn định danh sách có 185 (một trăm tám mươi lăm) thí sinh đăng ký phúc khảo kết quả tuyển sinh sau đại học năm 2023.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc